

Bản án số: **41** /2017/HS-ST

Ngày **16 - 8 - 2017**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trị**;

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Hoàng Văn Cường;**
2. Bà Lê Thị Thu Oanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Lá** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Văn Lâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2017/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Khu phố H, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Khu phố H, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị G; gia đình có 06 người con, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 16/01/2017 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T:*

Bà **U** – Văn phòng Luật sư Châu Giang, Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị hại:* Công ty TNHH L

Đại diện: Ông **T** – Tổng giám đốc

Địa chỉ Công ty: Khu Công nghiệp MII, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Thanh T là tài xế xe nâng của Công ty TNHH L trụ sở tại Khu Công nghiệp MII, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do ông T làm Tổng giám đốc. Khoảng cuối tháng 12/2016, đối tượng Trần Vũ B (sinh năm 1981, trú tại Ấp B, xã Đ, huyện T, Cà Mau) trước đây cũng là tài xế xe nâng của Công ty L đã bỏ việc gặp T và nói cho biết việc quản lý xe nâng của Công ty L rất lỏng lẻo nên B rủ T trộm cắp xe nâng của Công ty L đem bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý.

Trưa ngày 27/12/2016, T báo cho B biết công ty L có 03 (ba) chiếc xe nâng loại 3 tấn hiệu Toyota đang hoạt động trong cảng C nhưng chỉ có 01 bảo vệ trông coi nên thuận lợi cho việc trộm cắp. Đến tối cùng ngày, B thuê chiếc xe cầu tải (không rõ loại xe, biển số, tên tài xế) đến đứng chờ ở ngoài khu vực cảng, B đột nhập vào trong cảng rồi nhắn tin cho T biết biển số xe cầu tải đang đứng đợi ở ngoài để T chỉ dẫn vào khu vực phía sau Công ty S Vina để chở xe nâng. B đã lấy trộm 01 chiếc xe nâng mang số hiệu 10, màu vàng xám, hiệu Toyota, xuất xứ Nhật Bản, số khung 608FDJ35-65853 là tài sản của Công ty L chạy ra ngoài cầu xe nâng lên thùng xe cầu tải. B vẫn ngồi trên xe nâng, T chạy xe mô tô dẫn đường cho tài xế xe cầu tải chở xe nâng chạy về hướng Thành phố Hồ Chí Minh. Một lúc sau, T và B gặp nhau ở quán cà phê gần nhà thờ Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện T, sau đó cả hai đi về. Ngày 28/12/2016, T gọi điện thoại cho B hỏi lấy tiền bán xe nâng thì B nói chiều sẽ mang tiền xuống nhưng sau đó B tắt điện thoại, không liên lạc được. Từ đó đến nay, T không gặp lại B và cũng không được B chia tiền bán xe nâng.

Sau khi bị mất xe nâng, công ty L có đơn trình báo đến Công an huyện Tân Thành. Khi Công an huyện Tân Thành mời làm việc, ban đầu T không thừa nhận, nhưng khi về nhà T đã nói lại cho vợ là Hoàng Thị H biết việc tham gia trộm xe nâng. Chị H khuyên nhủ T khai nhận tội để được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật. Ngày 16/01/2017, T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Thành đầu thú. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và của đối tượng Trần Vũ B trộm cắp chiếc xe nâng số hiệu 10 của Công ty L như đã nêu trên (Bút lục điều tra từ số 21 đến 39).

Tại kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG-TTHS ngày 16/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện T kết luận:

“Trị giá chiếc xe nâng hiệu Toyota 3.0 tấn, có số khung 608FDJ35-65853 tính vào ngày 27/12/2016 đã qua sử dụng, còn lại 97% giá trị so với thời điểm được mua mới vào ngày 03/9/2016.

$660.000.000 \text{ đồng} \times 97\% = 640.200.000 \text{ đồng}$ (sáu trăm bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng”. (Bút lục điều tra số 46 đến 48).

Cơ quan điều tra đã có văn bản Thông báo số 228/TB-CQCSĐT-ĐTTHS ngày 11/01/2017 truy tìm vật chứng là chiếc xe nâng của công ty L bị B, T trộm cắp nhưng đến nay chưa có kết quả (Bút lục số 126).

Đối với chiếc xe cầu tải do đối tượng B thuê đến chở chiếc xe nâng, quá trình điều tra Nguyễn Thanh T khai xe mang biển số 51C-075.63. Tuy nhiên, qua xác minh chiếc xe này đứng tên chủ sở hữu là bà Vũ Thị T (trú tại 32 Đ, Phường 5, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) là xe bán tải hiệu ISUZU loại xe D-MAX tải trọng chỉ 680kg nên không thể chở được chiếc xe nâng nặng 3 tấn, bà T cũng khai không cho ai thuê hay cho mượn chiếc xe vào khoảng trước, trong và sau ngày 27/12/2016. Do đó, lời khai của bị can T về biển số xe tải 51C-075.63 mà T chỉ dẫn chở chiếc xe nâng trộm cắp là không chính xác (Bút lục điều tra từ số 128 đến 131).

Tại bản cáo trạng số 34/VKS-P2 ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, trong bản luận tội vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. **Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, các điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33, Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo T với mức án từ 07 đến 08 năm tù.**

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường 50% giá trị của chiếc nâng cho ông T theo kết luận định giá của Hội đồng định giá là 640.200.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ số tiền 150 triệu đồng do gia đình và bị cáo T nộp để khắc phục hậu quả và tài sản của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Luật sư Ư bào chữa cho bị cáo có ý kiến như sau: Nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình xem xét hoàn cảnh gia đình, bị cáo có vợ còn trẻ, có 02 con còn nhỏ để ra bản án có mức án thấp nhất đủ để giáo dục cải tạo hơn là răn đe bị cáo, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm trở về nhà và làm lại cuộc đời.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận gì thêm, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] .*Về tố tụng*: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 57 và các điều 65, 72, 75 Bộ luật tố tụng hình sự, như: Mời người bào chữa cho bị cáo từ giai đoạn điều tra; quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình; thu thập bảo quản vật chứng đúng trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] .*Về nội dung*: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; người bị hại; người có quyền lợi liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Tối ngày 27/12/2016, tại khu vực cảng C thuộc địa bàn huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nguyễn Thanh T có hành vi cùng đối tượng Trần Vũ B trộm cắp chiếc xe nâng hiệu Toyota 3.0 tấn, số khung 608FDJ35-65853 có giá trị 640.200.000 đồng là tài sản của Công ty TNHH L trụ sở tại Khu công nghiệp MII, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi trộm cắp, B mang chiếc xe nâng đi tiêu thụ, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

[2.2] Xét thấy, chỉ vì nghe lời dụ dỗ, lôi kéo của đối tượng tên Bằng, Nguyễn Thanh T đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe nâng của Công ty L. Giá trị của chiếc xe nâng theo kết luận định giá là 640.200.000 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xét xử Nguyễn Thanh T về tội **“trộm cắp tài sản”** theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung là chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên.

[2.3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại một cách trái pháp luật với giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là đặc biệt lớn; Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và gây mất trật tự trị an chung tại địa phương. Vì vậy, phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[2.4] Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 150 triệu đồng nhằm bồi thường thiệt hại khắc phục 1 phần hậu quả và tại phiên tòa đại diện bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ

hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, bị hại Công ty TNHH L do ông T đại diện yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường thiệt hại 1/2 giá trị của chiếc xe nâng có số khung là 608FDJ35-65853 với số tiền cụ thể là 320.100.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về xử lý vật chứng:*

Tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại Samsung C0168 màu trắng và 150.000.000 đồng của vị cáo T và gia đình giao nộp để đảm bảo thi hành án.

[5]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền mà bị cáo phải bồi thường thiệt hại 320.100.000 đồng là 16.005.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Đối với đối tượng Trần Vũ B, cơ quan điều tra đã có thông báo truy tìm và tách vụ án liên quan đến đối tượng Bằng; khi nào có kết quả xử lý sau là phù hợp.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; **Điều 33** Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T **07 (Bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

3. *Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều **589** Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho Công ty TNHH L do ông T đại diện số tiền là 320.100.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu một trăm nghìn đồng).

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tiếp tục tạm giữ 01 chiếc điện thoại Samsung C0168 màu trắng và 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) của Nguyễn Thanh T để đảm bảo thi hành án.

Các tài sản và số tiền nêu trên hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 41/BB-CTHADS ngày 03/7/2017; biên lai thu tiền số 7618 ngày 03/7/2017 và biên lai thu tiền số 0007652 ngày 09/8/2017.

5. *Về án phí:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp là 16.005.000 đồng (Mười sáu triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo, **người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PC 45- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bào chữa; đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trị

